

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

**KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP  
KỲ THI THÁNG 01/2018**

| STT | MSHS       | HỌ VÀ TÊN         |       | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | Nữ | LỚP       | Môn thi |      |     | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|------------|----|-----------|---------|------|-----|---------|
|     |            |                   |       |            |            |    |           | C.trị   | LT   | TH  |         |
| 1   | 13B3080019 | Phạm Văn          | Được  | 27/02/1995 | Quảng Ngãi |    | 13TC-Đ    |         | 5.0  |     |         |
| 2   | 14000052   | Nguyễn Hoàng      | Nhi   | 14/10/1996 | Trà Vinh   |    | 14TC-Đ    | 5.5     | 5.0  | 5.5 |         |
| 3   | 14000059   | Phạm Thanh        | Sang  | 05/9/1992  | Cà Mau     |    | 14TC-Đ    |         | 5.0  |     |         |
| 4   | 15000563   | Nguyễn Thanh      | Phước | 17/12/1997 | Tây Ninh   |    | 15TN-Đ    | 8.5     | 7.0  | 5.0 |         |
| 5   | '15003398  | Nguyễn Thành      | Luân  | 02/6/1997  | Quảng Ngãi |    | 15TN-Đ    | 8.5     | 6.0  | 6.5 |         |
| 6   | '15003406  | Nguyễn Ngọc       | Sang  | 01/6/1994  | TP. HCM    |    | 15TN-Đ    | 6.5     | 6.5  | 6.0 |         |
| 7   | 15003429   | Nguyễn Tấn        | Tâm   | 22/9/1994  | Long An    |    | 15TN-Đ    | 6.5     | 5.5  | 7.0 |         |
| 8   | 15000867   | Nguyễn Thanh      | Vinh  | 18/10/1996 | Phú Thọ    |    | 15TCT-Đ   | 6.0     | 6.0  | 6.5 |         |
| 9   | 15003443   | Nguyễn Trung      | Hiếu  | 28/11/1995 | TP. HCM    |    | 15TN-NL   | 5.5     | 9.0  | 7.0 |         |
| 10  | 15001091   | Nguyễn Đăng Hoàng | Duy   | 27/9/1997  | TP. HCM    |    | 15TCT-NL  | 7.0     | 9.0  | 8.5 |         |
| 11  | 15002060   | Lê Tấn            | Thành | 22/8/1997  | Tây Ninh   |    | 15TCT-NL  | 5.5     | 8.5  | 8.0 |         |
| 12  | 15001565   | Dương Thanh       | Việt  | 08/02/1997 | Đồng Tháp  |    | 15TN-NL   | 5.5     | 8.5  | 7.5 |         |
| 13  | 15002550   | Lê Thành          | Hân   | 12/12/1997 | Bình Định  |    | 15TCT-NL  | 6.5     | 9.0  | 8.5 |         |
| 14  | 15001867   | Nguyễn Tấn        | Phát  | 07/8/1997  | Bình Thuận |    | 15TCT-NL  | 5.5     | 10.0 | 7.5 |         |
| 15  | 14000184   | Nguyễn Quang      | Huy   | 16/11/1994 | TP. HCM    |    | 14TC-CKP  | 5.0     | 6.0  | 7.0 |         |
| 16  | 14000186   | Y Nhật            | Minh  | 30/3/1995  | Gia Lai    |    | 14TC-CKP  | 5.5     | 7.0  | 6.0 |         |
| 17  | 14000178   | Nguyễn Công       | Chánh | 20/02/1995 | Tây Ninh   |    | 14TC-CKP  | 6.0     | 6.0  | 6.0 |         |
| 18  | 15003450   | Mai Nhật          | Kha   | 23/8/1997  | Lâm Đồng   |    | 15TN-CK   | 9.5     | 7.5  | 5.2 |         |
| 19  | 15002169   | Nguyễn Cường      | Thịnh | 20/12/1997 | Tây Ninh   |    | 15TCT-CK  | 6.5     | 8.5  | 5.3 |         |
| 20  | 14000286   | Lê Bá Thụy        | Nhân  | 24/7/1993  | Đồng Nai   |    | 14TC-Ô2   | V       | V    | V   |         |
| 21  | 14000294   | Nguyễn Hoàng      | Thạch | 01/01/1996 | Tây Ninh   |    | 14TC-Ô2   | 6.0     | 5.0  | 3.0 |         |
| 22  | 15002469   | Nguyễn Trường     | Giang | 18/11/1996 | Long An    |    | 15TCT-Ô   |         |      | 3.0 |         |
| 23  | 15000941   | Bùi Hữu           | Toàn  | 21/4/1997  | Khánh Hòa  |    | 15TCT-Ô   |         |      | 3.0 |         |
| 24  | 15003375   | Trần Nguyễn Xuân  | Thảo  | 07/3/1997  | TP. HCM    | Nữ | 15TN-MTT  |         | 5.5  |     |         |
| 25  | 13B2020002 | Nguyễn Trường     | Ân    | 01/01/1993 | Cần Thơ    |    | 13TC-QTM  |         |      | 5.5 |         |
| 26  | 12B2020004 | Huỳnh Văn         | Dương | 16/6/1994  | Phú Yên    |    | 13TC-QTM  |         |      | 5.0 |         |
| 27  | 13B2020048 | Hà Minh           | Mẫn   | 24/02/1991 | Tây Ninh   |    | 13TC-QTM  |         |      | 5.0 |         |
| 28  | 14000350   | Nguyễn Nhật       | Long  | 22/12/1995 | TP. HCM    |    | 14TC-QTM  | 6.0     | 5.0  | 5.0 |         |
| 29  | 13B2020059 | Nguyễn Minh       | Thao  | 19/02/1995 | Bình Thuận |    | 14TC-QTM  | 7.0     | 5.5  | 5.0 |         |
| 30  | 15002747   | Phạm Ngọc Gia     | Phú   | 15/10/1996 | TP. HCM    |    | 15TCT-QTM | 7.0     |      | 2.0 |         |
| 31  | 15003265   | Sử Khắc           | Thông | 07/01/1992 | Bến Tre    |    | 15TCT-QTM | 7.5     | 5.5  | 1.0 |         |

Tổng cộng danh sách có 31 học sinh.



HIỆU TRƯỞNG